

**Biểu số: 04.N/BC-UBDT**  
Ban hành theo Thông tư số  
02/2018/TT-UBDT ngày  
05/11/2018 của Bộ trưởng,  
Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc  
Nhận báo cáo:

**Số lượng, tỷ lệ các ấp vùng dân tộc  
thiểu số đã có đường giao thông  
được đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây  
dựng mới  
(Năm)**

Đơn vị báo cáo:  
Đơn vị nhận báo cáo:

| S<br>T<br>T |                    | Số ấp vùng dân<br>tộc thiểu số<br>(Thôn/bản) | Số ấp vùng dân tộc<br>thiểu số đã có<br>đường giao thông<br>được đầu tư, nâng<br>cấp, cải tạo, xây<br>dựng mới<br>(Thôn/bản) | Tỷ lệ ấp vùng dân tộc<br>thiểu số đã có đường giao<br>thông được đầu tư nâng<br>cấp, cải tạo, xây dựng mới<br>(%) |
|-------------|--------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | A                  | 1                                            | 2                                                                                                                            | 3                                                                                                                 |
|             | <b>Tổng cộng</b>   |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
| <b>I</b>    | <b>Huyện .....</b> |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
| 1           | Xã .....           |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
| 2           | Xã .....           |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
| 3           | .....              |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
| <b>II</b>   | <b>Huyện .....</b> |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
|             | .....              |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
| <b>III</b>  | <b>.....</b>       |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
|             |                    |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |
|             |                    |                                              |                                                                                                                              |                                                                                                                   |

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**Biểu số: 05.N/BC-UBDT**

Ban hành theo Thông tư số 02/2018/TT-UBDT  
ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm  
Ủy ban Dân tộc  
Nhận báo cáo:

**Hộ nghèo và cận nghèo người  
dân tộc thiểu số**  
(Năm, số liệu từ ngày 01/1 đến 31/12)

Đơn vị báo cáo:  
Đơn vị nhận báo cáo:

|                            | Tổng số hộ | Trong đó<br>số hộ<br>DTTS | Số hộ nghèo<br>DTTS | Số hộ<br>cận nghèo<br>DTTS | Số hộ<br>thoát nghèo<br>DTTS | Số hộ nghèo<br>DTTS phát<br>sinh mới | Số hộ<br>DTTS<br>tái nghèo | Tỷ lệ<br>hộ nghèo<br>DTTS<br>(%) | Tỷ lệ<br>hộ cận<br>nghèo DTTS<br>(%) |
|----------------------------|------------|---------------------------|---------------------|----------------------------|------------------------------|--------------------------------------|----------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|
| A                          | 1          | 2                         | 3                   | 4                          | 5                            | 6                                    | 7                          | 8                                | 9                                    |
| <b>Cả tỉnh</b>             |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| <b>Chia theo cấp huyện</b> |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Biên Hòa                   |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Long Khánh                 |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Định Quán                  |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Tân Phú                    |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Xuân Lộc                   |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Cầm Mỹ                     |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Thống Nhất                 |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Trảng Bom                  |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Long Thành                 |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Vĩnh Cửu                   |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |
| Nhơn Trạch                 |            |                           |                     |                            |                              |                                      |                            |                                  |                                      |

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu số: 06.K/BC-UBDT**

Ban hành theo Thông tư số 02/2018/TT-UBDT ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng,  
Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc  
Nhận báo cáo:

**Số đại biểu hội đồng nhân dân  
các cấp là người dân tộc thiểu số**  
(Nhiệm kỳ)

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

|                          | Mã số | Tổng số<br>đại biểu<br>HĐND | Cấp tỉnh |                 | Cấp huyện |                 | Cấp xã  |                 |
|--------------------------|-------|-----------------------------|----------|-----------------|-----------|-----------------|---------|-----------------|
|                          |       |                             | Tổng số  | Trong<br>đó: Nữ | Tổng số   | Trong<br>đó: Nữ | Tổng số | Trong<br>đó: Nữ |
| A                        | B     | 2                           | 3        | 4               | 6         | 7               | 8       |                 |
| <b>Tổng số</b>           |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| <b>Chia theo dân tộc</b> |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Kinh                     |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Dân tộc thiểu số:        |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Chơ ro                   |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Mạ                       |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| X'Tiêng                  |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Cơ ho                    |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Hoa                      |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Tày                      |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Nùng                     |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Dao                      |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| Chăm                     |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| .....                    |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |
| .....                    |       |                             |          |                 |           |                 |         |                 |

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu số: 07.N/BC-UBDT**

Ban hành theo Thông tư số 02/2018/TT-UBDT

ngày 05/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm

## Ủy ban Dân tộc

### Nhận báo cáo:

**Số lượng công chức trong các cơ quan  
công tác dân tộc các cấp  
(Năm)**

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

[illegible]

|  |              |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  | Cao đẳng     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đại học      |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trên đại học |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Người lập biểu**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021*  
**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số: 09.N/BC-UBDT**

Ban hành theo Thông tư số  
02/2018/TT-UBDT ngày  
05/11/2018 của Bộ trưởng,  
Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

**Số công chức, viên chức trong cơ  
quan công tác dân tộc các cấp  
được đào tạo, bồi dưỡng về công  
tác dân tộc, lý luận chính trị, quản  
lý nhà nước và đào tạo khác  
(Năm)**

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Nhận báo cáo:

| S<br>TT |                               | Tổng số | Trong đó |      |         |
|---------|-------------------------------|---------|----------|------|---------|
|         |                               |         | Nữ       | DTTS | Nữ DTTS |
|         | A                             | 1       | 2        | 3    | 4       |
| 1       | Tổng số                       |         |          |      |         |
| 2       | Chia theo độ tuổi tuổi        |         |          |      |         |
|         | Từ 30 trở xuống               |         |          |      |         |
|         | Từ 31 đến 40                  |         |          |      |         |
|         | Từ 41 đến 50                  |         |          |      |         |
|         | Từ 51 đến 55                  |         |          |      |         |
|         | Từ 56 đến 60                  |         |          |      |         |
|         | Trên 60                       |         |          |      |         |
| 3       | Chia theo các khóa<br>đào tạo |         |          |      |         |
|         | Lý luận chính trị             |         |          |      |         |
|         | Quản lý nhà nước              |         |          |      |         |
|         | Công tác dân tộc              |         |          |      |         |
|         | Đào tạo khác                  |         |          |      |         |

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2021  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)